

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 14-01-2025  
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Bá Đại**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Gia**

Ông **Lê Đình Khôi**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Ngọc Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà **Lại Thị Hiền** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 447/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc: “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị L**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai

*Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hữu H**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai

*(Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ghi ngày 26/9/2024, các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Hữu H** tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân 2022, đăng ký kết hôn tại UBND P, huyện T, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/3/2022.

Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp và thường xuyên cãi nhau. Chị đã cố gắng tìm mọi biện pháp để hàn gắn hạnh phúc

gia đình nhưng mâu thuẫn vẫn không thay đổi, từ tháng 8/2022 cho đến nay chị và anh H đã không còn sống chung với nhau. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh H, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

*Về con chung:* Chị và anh H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Hữu H mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử không có ý kiến, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.*

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ gồm: Căn cước công dân (bản sao), giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), bản tự khai của nguyên đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt của nguyên đơn; biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng; phiếu yêu cầu xác minh thông tin cư trú của bị đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn với anh H.

+ Về con chung: Do chị L và anh H không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Đối với anh H nếu có tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung đối với chị L thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác

+ Về án phí: Chị L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Anh Nguyễn Hữu H có nơi cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân huyện Tân Phú có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.2]. Chị L có đơn khởi kiện ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn” và xác định chị L là nguyên đơn, anh H là bị đơn.

[1.3]. Chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Hữu H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh H tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2022 và được UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/3/2022, số 20/2022. Như vậy, hôn nhân giữa chị L, anh H được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay chị L yêu cầu ly hôn, thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của đương sự thể hiện: Chị L yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp và thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 8/2022 cho đến nay, vợ chồng chị đã không còn sống chung, không quan tâm chăm sóc nhau.

Qua xác minh tại địa phương đã xác định được gia đình chị L và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Chị L và anh H đã không còn sống chung với nhau từ tháng 8/2022 cho đến nay.

Xét, chị L và anh H hiện nay đã không còn sống chung với nhau, bản thân anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H vẫn không đến Tòa làm việc, thể hiện anh H không mong muốn hòa giải để vợ chồng cùng đoàn tụ sống chung.

Như vậy, có căn cứ xác định chị L và anh H đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để chị L có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn với anh H.

[2.2]. Về con chung: Chị L khai không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày. Để đảm bảo quyền, quyền lợi của chị L, anh H, Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung, nợ chung ra để giải quyết bằng vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đặng Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

- *Về con chung:* Chị L và anh H không có con chung nên Tòa án không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

2. *Về án phí:* Chị Đặng Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai thu số 0013485 ngày 10 tháng 10 năm 2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú được chuyển thành án phí, chị L đã nộp đủ.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Lộc (để ghi vào sổ hộ tịch; số 20/2022 ngày 22/3/2022);
- Lưu HS – LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Bá Đại**

